

QUYẾT ĐỊNH

**về việc Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
ngành Răng hàm mặt trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Trường, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học,

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Răng hàm mặt trình độ đại học.
- Điều 2.** Chương trình này được áp dụng trong Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên từ năm học 2022 - 2023.
- Điều 3.** Các Khoa - Bộ môn căn cứ vào Chương trình được ban hành, tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập cho phù hợp.
- Điều 4.** Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa - Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Ưng*

- Như điều 4;
- Lưu VT, Đào tạo.



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH RĂNG HÀM MẶT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH RĂNG HÀM MẶT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số..... 2979.. /QĐ-ĐHYD ngày ..22../12/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: Bác sĩ ngành Răng Hàm Mặt
 - Tên tiếng Anh: The degree of Doctor of medicine in Odonto - Stomatology
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: Đại học.
6. Ngành đào tạo: Răng Hàm Mặt
7. Mã ngành đào tạo: 7720501
8. Thời gian đào tạo: 6 năm.
9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt.
10. Hình thức đào tạo: chính quy.
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: Bác sĩ ngành Răng Hàm Mặt
 - Tên tiếng Anh: The degree of Doctor of medicine in Odonto - Stomatology

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Người học sau khi tốt nghiệp:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục Đại học</i>
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả các kiến thức về kinh tế, văn hoá xã hội, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về khoa học cơ bản, y - nha cơ sở, y tế công cộng làm nền tảng cho y học lâm sàng và Răng - Hàm - Mặt trong thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe răng miệng cho nhân dân.	✓	✓	✓
II. Kỹ năng				
PEO 2	Chẩn đoán và xử trí được các trường hợp cấp cứu Răng - Hàm - Mặt thường gặp như chảy máu sau nhổ răng, viêm tủy răng, chấn thương răng miệng - hàm mặt, viêm nhiễm vùng miệng - hàm mặt....	✓	✓	✓
PEO 3	Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng được các chứng, bệnh thường gặp về răng miệng - hàm mặt.	✓	✓	✓

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Người học sau khi tốt nghiệp:</i>	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tâm nhìn	Luật Giáo dục Đại học
PEO 4	Chỉ định, phân tích được một số xét nghiệm phục vụ cho chẩn đoán, xử trí các bệnh Răng - Hàm - Mặt thông thường.	✓	✓	✓
PEO 5	Thực hiện được một số thủ thuật và thăm dò chức năng phục vụ chẩn đoán và điều trị các bệnh Răng - Hàm - Mặt.	✓	✓	✓
PEO 6	Sử dụng kết hợp được một số biện pháp y học cổ truyền trong phòng bệnh và chữa bệnh Răng - Hàm - Mặt	✓	✓	✓
PEO 7	Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.	✓	✓	✓
PEO 8	Sử dụng được ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm trong quá trình hành nghề và phát triển nghề nghiệp.	✓	✓	✓
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 9	Làm việc độc lập, phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp, có đạo đức và phẩm chất nghề nghiệp ứng xử chuyên nghiệp. Không ngừng học tập và phát triển nghề nghiệp suốt đời.	✓	✓	✓

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	✓	
PLO 2	Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, y tế công cộng, y học lâm sàng và Răng Hàm Mặt trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe răng miệng cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.		✓
PLO 3	Vận dụng được kiến thức y học cổ truyền, kết hợp với y học hiện đại trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe răng miệng.		✓
PLO 4	Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong thực hành chăm sóc Răng miệng và Hàm mặt.		✓
PLO 5	Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội đặc thù ở khu vực miền núi trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe răng miệng.		✓
II. Kỹ năng			
PLO 6	Thực hiện được công tác truyền thông - giáo dục sức khỏe về chăm sóc răng miệng cho cá nhân và cộng		✓

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra Người học tại thời điểm tốt nghiệp:	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
	đồng.		
PLO 7	Chẩn đoán, xử lý, theo dõi và dự phòng được các chứng, bệnh thường gặp và cấp cứu thông thường về Răng - Hàm - Mặt và các bệnh liên quan.		✓
PLO 8	Chỉ định, phân tích được một số xét nghiệm phục vụ cho chẩn đoán, xử trí các bệnh Răng - Hàm - Mặt thông thường.		✓
PLO 9	Thực hiện được một số xét nghiệm và thăm dò chức năng phục vụ chẩn đoán và điều trị các bệnh Răng - Hàm - Mặt.		✓
PLO 10	Kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong công tác phòng và chữa bệnh Răng - Hàm - Mặt.		✓
PLO11	Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học	✓	
PLO12	Sử dụng thành thạo máy vi tính trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.	✓	
PLO13	Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 - Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam - Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương.	✓	
PLO14	Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.	✓	
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 15	Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp	✓	
PLO 16	Chịu trách nhiệm về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.	✓	
PLO17	Hướng dẫn, giám sát được đồng nghiệp thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp.	✓	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
PEO 1	x	x	x	x	x												
PEO 2							x										
PEO 3							x										
PEO 4								x	x								

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
PEO 5									x								
PEO 6										x							
PEO 7														x			
PEO 8												x	x	x			
PEO9															x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

* Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

* **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

* **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc xét tuyển sử dụng kết quả học tập của tổ hợp các môn ở trung học phổ thông.

Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển	Môn chính
B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
D07	Toán, Hóa học, tiếng Anh	Toán
D08	Toán, Sinh học, tiếng Anh	Toán

* **Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh:** 50-100

* **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)**

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* **Tổ chức tuyển sinh:** Việc tuyển chọn sinh viên vào học chương trình này dựa trên các văn bản và quy định hiện hành về tuyển sinh đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy tập trung của Trường theo đúng ngành cấp bằng;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ;
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

Khối lượng kiến thức toàn khóa 195 tín chỉ (không kể Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), chia thành 12 học kỳ trong 6 năm.

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Số tín chỉ	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 33 tín chỉ (không kể Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất)										
1	RHDT1012	Di truyền y học	2	15	30	55				1
2	HCGD1012	Giáo dục thể chất 1	2	0	60	40				1
3	RHHĐ1012	Hóa ĐC – VC	2	15	30	55				1
4	HCTA1012	Tiếng Anh 1	2	30	0	70				1
5	HCTH1013	Triết học Mác-Lê Nin	3	45	0	105				1
6	HCVL1012	Vật lý - Lý sinh	2	15	30	55				1
7	HCGD1018	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	8	0	240	160				2
8	HCGD1021	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	20				2
9	HCTA1022	Tiếng Anh 2	2	30	0	70		HCTA1012		2
10	HCTO1012	Tin học	2	0	60	40				2
11	HCXS1012	Xác suất thống kê trong y học	2	30	0	70				2
12	HCKT1012	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin	2	30	0	70		HCTH1013		3
13	HCTA1032	Tiếng Anh 3	2	30	0	70		HCTA1022		3
14	HCCN1012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	70		HCKT1012		4
15	HCLS1012	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	30	0	70		HCCN1012		5
16	HCPL1012	Pháp luật đại cương	2	30	0	70				5
17	HCTT1012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	70		HCLS1012		6
18	HCTA1042	Tiếng Anh 4	2	30	0	70		HCTA1032		9
19	RHTA1052	Tiếng Anh 5	2	30	0	70	HCTA1042			10
II. Kiến thức cơ sở ngành: 60 tín chỉ										
2.1. Học phần bắt buộc: 56 tín chỉ										
1	HCGP1213	Giải phẫu	3	15	60	75				1
2	RHGP1213	Giải phẫu răng	3	15	60	75				2
3	HCSL1213	Sinh lý	3	30	30	90				2
4	RHTL1212	Tâm lý y đức	2	30	0	70				2
5	RHHS1213	Hóa sinh	3	30	30	90				3
6	HCKS1212	Ký sinh trùng	2	15	30	55				3
7	RHMP1213	Mô phôi răng miệng	3	30	30	90		RHGP1213		3
8	HCSY1213	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	30	30	90	HCSL1213			3
9	RHVS1212	Vi sinh	2	15	30	55				3
10	RHCK1212	Cán khớp học	2	15	30	55		RHGP1213		4
11	RHĐD1212	Điều dưỡng cơ bản	2	0	60	40				4
12	RHGP1212	Giải phẫu bệnh	2	15	30	55		HCGP1213		4

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Số tín chỉ	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
13	HCGD1212	Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	2	15	30	55				4
14	RHHL1212	Huấn luyện kỹ năng	2	0	60	40				4
15	RHSH1213	Sinh học miệng	3	30	30	90		RHGP1213		4
16	RHVL1212	Vật liệu thiết bị nha khoa	2	15	30	55				4
17	RHCĐ1212	Chẩn đoán hình ảnh nha khoa	2	15	30	55		RHGP1213, HCGP1213		5
18	HCDT1212	Dịch tễ học	2	15	30	55	RHVS1212			5
19	HCDD1212	Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm	2	15	30	55				5
20	HCDL1212	Dược lý	2	15	30	55				5
21	RHMH1213	Mô phỏng nha khoa	3	0	90	60		RHGP1213, RHVL1212, RHCK1212		5
22	HCPP1212	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	30	55				5
23	HCSK1212	Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp	2	15	30	55				5
24	HCTC1212	TCQLYT – Chương trình YT quốc gia – Dân số	2	30	0	70				6

2.2. Học phần tự chọn: 4 tín chỉ (chọn 2 trong 5 học phần)

1	RHGM1312	Gây mê hồi sức	2	15	30	55	RHHL1212			6
2	HCKS1312	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	15	30	55		RHVS1212		6
3	RHKT1312	Kinh tế y tế - Bảo hiểm Y tế	2	30	0	70				6
4	HCMS1312	Một sức khỏe	2	15	30	55				6
5	HCNH1312	Nhân học y học	2	15	30	55				6

III. Kiến thức chuyên ngành: 96 tín chỉ

3.1. Học phần bắt buộc: 88 tín chỉ

1	HCNC1414	Ngoại cơ sở	4	30	60	110		RHHL1212		6
2	HCNO1414	Nội cơ sở	4	30	60	110		RHHL1212		6
3	HCDL1412	Da liễu	2	15	30	55		HCNC1414 , HCNO1414		7
4	RHNB1414	Ngoại bệnh lý	4	30	60	110		HCNC1414		7
5	RHNC1412	Nha khoa công cộng	2	15	30	55				7
6	RHNB1412	Nhi khoa	2	15	30	55		HCNC1414 , HCNO1414		7
7	RHNE1414	Nội bệnh lý	4	30	60	110		HCNO1414		7
8	RHSP1412	Sản phụ khoa	2	15	30	55		HCNC1414 , HCNO1414		7

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Số tín chỉ	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
9	RHBH1413	Bệnh học miệng và hàm mặt 1	3	15	60	75				8
10	RHCR1413	Chữa răng - Nội nha 1	3	15	60	75		RHMH1213		8
11	HCMA1412	Mắt	2	15	30	55		HCNC1414 , HCNO1414		8
12	RHNC1414	Nha chu 1	4	15	90	95				8
13	RHPU1414	Phẫu thuật miệng 1	4	30	60	110				8
14	HCTM1412	Tai - Mũi - Họng	2	15	30	55		HCNC1414 , HCNO1414		8
15	RHCR1424	Chữa răng - Nội nha 2	4	15	90	95		RHCR1413		9
16	RHNC1423	Nha chu 2	3	15	60	75		RHNC1414		9
17	RHPT1414	Phẫu thuật hàm mặt 1	4	15	90	95				10
18	RHPH1413	Phục hình tháo lắp 1	3	15	60	75				9
19	RHTT1412	Thực tập cộng đồng	2	0	60	40		RHNC1412		9
20	RHBH1423	Bệnh học miệng và hàm mặt 2	3	15	60	75		RHBH1413		10
21	RHCH1413	Chỉnh hình răng mặt 1	3	15	60	75				10
22	RHPT1423	Phẫu thuật hàm mặt 2	3	15	60	75		RHPT1414		10
23	RHPI1413	Phục hình cố định 1	3	15	60	75				10
24	RHTE1413	Răng trẻ em 1	3	15	60	75				10
25	RHCH1423	Chỉnh hình răng mặt 2	3	15	60	75		RHCH1413		11
26	RHPU1423	Phẫu thuật miệng 2	3	0	90	60		RHPU1414		11
27	RHTE1423	Răng trẻ em 2	3	15	60	75		RHTE1413		11
28	RHPI1423	Phục hình cố định 2	3	15	60	75		RHPI1413		12
29	RHPH1423	Phục hình tháo lắp 2	3	15	60	75		RHPH1413		12

3.2. Học phần tự chọn: 8 tín chỉ

1	RHNC1512	Nha khoa hiện đại	2	15	30	55				11
2	RHNP1512	Nha pháp	2	15	30	55				11
3	RHNA1512	Nhiếp ảnh trong nha khoa	2	15	30	55				11
4	HCTK1512	Thần kinh	2	15	30	55				11
5	RHTN1512	Truyền nhiễm	2	15	30	55				11
6	RHYH1512	Y học cổ truyền	2	15	30	55				11
7	RHKL1716	Khoá luận tốt nghiệp	6	0	180	120				11-12
8	RHMT1512	Mỹ thuật và ứng dụng trong Răng Hàm Mặt	2	15	30	55				11

IV. TỐT NGHIỆP: 6 tín chỉ

86	RHTT1626	Thực tập tốt nghiệp	6	0	180	120		Tất cả các HP		12
----	----------	---------------------	---	---	-----	-----	--	---------------	--	----

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)

Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4		Năm 5		Năm 6	
Triết học Mác-Lênin		Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin	Chiu nghĩa xã hội khoa học	Lịch sử Đảng cộng sản VN	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đã học	Biên học mạng và năm cuối 1	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 5	Chính sách nhà nước 1	
Hóa ĐC - VC	Giáo dục thể chất 2	Tiếng Anh 3	Chiu nhập học	Pháp luật đại cương	TCQL YT - Chương trình YT quốc gia - Dân số	Nguồn bệnh lý	Chẩn đoán - Năm đầu 1	Chẩn đoán Nội tiêu 2	Phân tích lâm sàng 1	Phân tích lâm sàng 2	
Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Hội sinh	Điều dưỡng cơ bản	Chẩn đoán lâm sàng nội khoa	Giấy má lấy sức	Nhu khoa phòng cấp	Một	Nhu cầu 2	Điều dưỡng thực hành năm 2	Điều trị cấp 2	Khóa luận tốt nghiệp
Di truyền y học	Tân học	Kỹ thuật trồng	Giáo phòng bệnh	Diễn tế học	Kiểm xét nghiệm khoa	Nội khoa	Nhu cầu 1		Chẩn đoán lâm sàng 1	Nhu khoa luận đề	
Vật lý - Lý sinh	Mác chủ nghĩa Lê nin trong y học	Môi trường sống	Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	Điều dưỡng - An toàn thực phẩm	Kinh tế y tế - Bảo hiểm Y tế	Nội bệnh lý	Phân tích lâm sàng 1	Phân tích lâm sàng 1	Phân tích lâm sàng 2	Nhu pháp	
Giáo phòng	Giáo phòng cấp	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Thảo luận lâm sàng	Dược lý	Một số khác	Sinh học	Tư - Nha trong	Thực tập công đồng	Phân tích lâm sàng	Nhu pháp trong nội khoa	
	Sinh lý	Vitamin	Sinh học mạng	Mô phỏng thu thập	Nhu học y học				Điều trị cấp 1	Thần kinh	
	Thực lý y học		Vật liệu thực tế của khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nhu học y học					Thần kinh	
				Sức khỏe môi trường - Sức khỏe nghề nghiệp	Nhu học y học					Y học cổ truyền	
										Mỹ thuật và ứng dụng trong Kỹ thuật Lâm sàng	
14 TC	14 TC	17TC	17TC	19TC	16TC	16TC	15TC	16TC	21TC	17TC	6TC

	Khởi kiến thức giáo dục đại cương
	Kiến thức cơ sở ngành
	Kiến thức chuyên ngành
	Học phần tự chọn
	Thực tập tốt nghiệp

VIII. Mức độ đóng góp của các Học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mức độ đóng góp của các Học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thể hiện ở bảng dưới đây:

TT	Tên học phần	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1	Di truyền y học	RHDT1012		M														M	M	M
2	Giáo dục thể chất 1	HCGD1012		M														M	M	M
3	Hóa ĐC - VC	RHHĐ1012		H														H	H	H
4	Tiếng Anh 1	HCTA1012		M														M	M	M
5	Triết học Mác-Lê Nin	HCTH1013	H	H														H	H	M
6	Vật lý - Lý sinh	HCVL1012		M														M	M	M
7	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	HCGD1018	M	M														M	M	H
8	Giáo dục thể chất 2	HCGD1021		M														M	M	M

TT	Tên học phần	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
9	Tiếng Anh 2	HCTA1022		M						M	M						M	M	H
10	Tin học	HCTO1012		M						M				H			M	M	M
11	Xác suất thống kê trong y học	HCXS1012		M													M	M	M
12	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin	HCKT1012	H	M													M	M	H
13	Tiếng Anh 3	HCTA1032		M													M	M	M
14	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCCN1012	H	M	M												M	M	H
15	Lịch sử Đảng cộng sản VN	HCLS1012	H	M													M	M	M
16	Pháp luật đại cương	HCPL1012	H	M													M	M	M
17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCTT1012	H	M													M	M	H
18	Tiếng Anh 4	HCTA1042		M					M								M	M	M
19	Tiếng Anh 5	RHTA1052		H									M				M	M	H
20	Giải phẫu	HCGP1213		M													M	M	M
21	Giải phẫu răng	RHGP1213		M									M				M	M	M
22	Sinh lý	HCSL1213		M													M	M	H
23	Tâm lý y đức	RHTL1212		M									M	M		M	M	M	M
24	Hóa sinh	RHHS1213		M													M	M	H
25	Ký sinh trùng	HCKS1212		M													M	M	M
26	Mô phôi răng miệng	RHMP1213		M													M	M	M
27	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	HCSY1213		M													M	M	H
28	Vi sinh	RHVS1212		M													M	M	M
29	Cần khớp học	RHCK1212		M		M	M	M	M	M	M		M		M	M	M	M	H
30	Điều dưỡng cơ bản	RHDD1212		M													M	M	M
31	Giải phẫu bệnh	RHGP1212		M													M	M	M
32	Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	HCGD1212		M													M	M	H
33	Huấn luyện kỹ năng	RHHL1212		M													M	M	M

TT	Tên học phần	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
34	Sinh học miệng	RHSH1213		M													M	M	H	
35	Vật liệu thiết bị nha khoa	RHVL1212		M													M	M	M	M
36	Chẩn đoán hình ảnh nha khoa	RHCĐ1212		M													M	M	M	M
37	Dịch tễ học	HCDT1212		M													M	M	M	H
38	Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm	HCDD1212		M													M	M	M	M
39	Dược lý	HC DL1212		M													M	M	M	H
40	Mô phỏng nha khoa	RHMH1213		M													M	M	M	M
41	Phương pháp nghiên cứu khoa học	HCPP1212		M													M	M	M	M
42	Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp	HCSK1212		M													M	M	M	H
43	TCQLYT – Chương trình YT quốc gia – Dân số	HCTC1212		H													M	M	M	M
44	Gây mê hồi sức	RHGM1312		H													M	M	M	H
45	Kiểm soát nhiễm khuẩn	HCKS1312		H													M	M	M	M
46	Kinh tế y tế - Bảo hiểm Y tế	RHKT1312		H													M	M	M	M
47	Một sức khỏe	HCMS1312		M													M		M	H
48	Nhân học y học	HCNH1312		M													M		M	M
49	Ngoại cơ sở	HCNC1414		M													M		M	H
50	Nội cơ sở	HCNO1414		M													M		M	M
51	Da liễu	HCDL1412		M													M		M	M
52	Ngoại bệnh lý	RHNB1414		H													M	M	M	H
53	Nha khoa công cộng	RHNC1412		M		M	M	M	M	M	M		M		M	M			M	M
54	Nhi khoa	RHNC1412		M											M					H
55	Nội bệnh lý	RHNE1414		H	H							M	L							M
56	Sản phụ khoa	RHSP1412	M	M				H					H		M		M			M
57	Bệnh học miệng và hàm	RHBH1413		H	H	H	H	H	H	H	M	M	M	M	M	M	M	M	M	H

TT	Tên học phần	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	mặt 1																		
58	Chữa răng - Nội nha 1	RHCR1413		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
59	Mắt	HCMA1412		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
60	Nha chu 1	RHNC1414		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
61	Phẫu thuật miệng 1	RHPU1414		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
62	Tai - Mũi - Họng	HCTM1412		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
63	Chữa răng - Nội nha 2	RHCR1424		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
64	Nha chu 2	RHNC1423		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
65	Phẫu thuật hàm mặt 1	RHPT1414		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
66	Phục hình tháo lắp 1	RHPH1413		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
67	Thực tập cộng đồng	RHTT1412		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
68	Bệnh học miệng và hàm mặt 2	RHBH1423		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
69	Chỉnh hình răng mặt 1	RHCH1413		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
70	Phẫu thuật hàm mặt 2	RHPT1423		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
71	Phục hình cố định 1	RHPI1413		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
72	Răng trẻ em 1	RHTE1413		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
73	Chỉnh hình răng mặt 2	RHCH1423		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
74	Phẫu thuật miệng 2	RHPU1423		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
75	Răng trẻ em 2	RHTE1423		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
76	Phục hình cố định 2	RHPI1423		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
77	Phục hình tháo lắp 2	RHPH1423		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
78	Nha khoa hiện đại	RHNK1512		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
79	Nha pháp	RHNP1512		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
80	Nhiếp ảnh trong nha khoa	RHNA1512		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
81	Thần kinh	HCTK1512		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
82	Truyền nhiễm	RHTN1512		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
83	Y học cổ truyền	RHYH1512		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
84	Khoá luận tốt nghiệp	RHKL1716		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

TT	Tên học phần	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
85	Mỹ thuật và ứng dụng trong Răng Hàm Mặt	RHMT1512		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
86	Thực tập tốt nghiệp	RHTT1626		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

Mức độ đóng góp của học phần so với CDR: 1 Thấp; 2 Vừa; 3 Cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Thuyết trình	x	x	x	x						x					x	x	x
Dạy học bằng tình huống						x	x		x	x	x						x
Dạy học bằng bảng kiểm					x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
Thảo luận nhóm				x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
Cầm tay chỉ việc					x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Tùy theo số lượng tín chỉ trong mỗi học phần mà trọng số có thể thay đổi:

Đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	<p>*Nội dung đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá ý thức học tập của người học thông qua điểm danh các buổi học; - Nhiệt tình, hăng hái phát biểu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm sôi nổi. <p>* Công cụ: Sổ chấm công của lớp, sổ nhận xét của bác sĩ trực hoặc các xác nhận của bác sĩ, giảng viên khác về nội dung liên quan.</p> <p>* Thời điểm: Trước khi thi kết thúc học phần 1 ngày.</p> <p>* Số lần: 01 lần đánh giá hoặc lồng ghép trong các điểm đánh giá thường xuyên và giữa học phần</p>	10%

Đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Thường xuyên	<ul style="list-style-type: none"> * Nội dung: Kiểm tra kiến thức. * Công cụ: Bộ câu hỏi MCQ, câu hỏi tự luận, câu hỏi tình huống. * Thời điểm: khi học được 1/2 và/hoặc 2/3 số tiết học phần. * Số lần: 01/02 lần đánh giá (theo quy định của trường). 	10%
Giữa học phần	<ul style="list-style-type: none"> * Nội dung: Kiểm tra kiến thức. * Công cụ: Bộ câu hỏi MCQ, câu hỏi tự luận, câu hỏi tình huống, vấn đáp, bảng kiểm. * Thời điểm: Khi học được 2/3 số tiết học phần, hoặc cuối các bài thực hành (với học phần thực hành). * Số lần: 01 lần đánh giá. 	30%
Kết thúc học phần	<ul style="list-style-type: none"> Tự luận * Nội dung: Kiểm tra kiến thức. * Công cụ: Bộ câu hỏi MCQ, câu hỏi tự luận, câu hỏi tình huống, OSCE. * Thời điểm: Khi học hết chương trình. * Số lần: 01 lần đánh giá. 	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Báo cáo cá nhân/nhóm				x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
Chỉ tiêu thực hành					x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
Tự luận	x	x	x	x						x						x	x
Trắc nghiệm trên máy	x	x	x	x							x	x					x
OSCE						x	x		x	x	x						x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Khối kiến thức	Trường ĐHYD Thái Nguyên		Trường ĐHYD TPHCM		Trường ĐHY Hà Nội		Khon Kaen Thái Lan	
	Tín chỉ	(%)	Tín chỉ	(%)	Tín chỉ	(%)	Tín chỉ	(%)
Cơ bản	33	16,9	27	18,37	34	20,24	41	29,7
Cơ sở ngành	56	28,7	26	17,69	30	17,86	26	18,8
Chuyên ngành	88	45,1	76	51,70	84	50,00	59	42,8
Tự chọn	12	6,2	11	7,48	6	3,57	6	4,35
Tốt nghiệp	6	3,1	7	4,76	14	8,32	6	4,35
Tổng	195	100	157	100	168	100	138	100

Kết quả đối sánh trên cho thấy các chương trình trong nước có tỷ lệ số tín chỉ cho các nhóm kiến thức tương đương nhau và phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế. Các học phần trong khung chương trình Bác sĩ ngành Răng Hàm Mặt theo xu hướng tăng cường giảng dạy vận dụng kiến thức y học cơ sở vào thực tế lâm sàng, nâng cao kỹ năng chuyên nghiệp, biện luận lâm sàng, định hướng nghề nghiệp và tính tự học của sinh viên.

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng chương trình đào tạo:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Số môn học tự chọn còn hạn chế	Tăng cường, bổ sung các môn học tự chọn
Cựu sinh viên	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm
Nhà tuyển dụng	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm
Giảng viên	Giảm thiểu lý thuyết. Cần chú trọng vào đào tạo thực hành	Xây dựng thời lượng các tín chỉ thực hành tăng lên
Sinh viên	Số môn học tự chọn còn hạn chế	Tăng cường các môn học tự chọn

XII. Mô tả tóm tắt các Học phần thuộc chương trình đào tạo

1. Di truyền y học

Học phần Di truyền y học gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 1 năm học thứ nhất. Trong học phần này sinh viên được cập nhật các thông tin mới và đầy đủ nhất về bộ NST, bộ gen con người, các quy luật di truyền : Đơn gen, đa gen, đa alen, giới tính, nguyên lý của một số kỹ thuật di truyền ứng dụng trong y học, bất thường bẩm sinh và tư vấn di truyền y học.

Một phân quan trọng của học phần là thực hành. Sinh viên biết cách lập và phân tích sơ đồ phả hệ, sắp xếp bộ NST người, thao tác một số kỹ thuật di truyền ứng dụng trong y học.

2. Giáo dục thể chất 1

Học phần Giáo dục thể chất 1 thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất của chương trình đào tạo Kỹ thuật xét nghiệm y học. Học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng của 02 môn thể thao đó là Nhảy cao và Bóng chuyền, thông qua phương pháp thuyết trình kết hợp với thị phạm động tác, phương pháp chia nhóm tập luyện, games. Các phương pháp đánh giá người học gồm quan sát kỹ thuật, đo thành tích, đếm số lượng.

3. Hóa đại cương - vô cơ

Học phần Hóa đại cương - vô cơ có 2 tín chỉ, được dạy và học ở kỳ 1 của CTĐT nhằm trang bị cho SV những kiến thức về nhiệt động học hoá học, tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng, cân bằng hoá học, tính chất của dung dịch, dung dịch chất điện li, tính chất cơ bản của một số kim loại, phi kim và các hợp chất vô cơ, vai trò của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ được quan tâm trong y - dược. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2 - Mức độ đáp ứng trung bình.

4. Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 1 thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản, được dạy - học ở học kỳ 1 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y liên quan đến cơ thể người, các dấu hiệu và triệu chứng bệnh, khoa phòng, thiết bị làm việc và vị trí việc làm tại bệnh viện. Phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, đóng vai, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

5. Triết học Mác-Lênin

Học phần Triết học Mác-Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 3 chương, cung cấp những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm xây dựng thế giới quan, phương pháp luận trong hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

6. Vật lý - Lý sinh

Học phần Vật lý- Lý sinh thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học cơ sở vật lý, nguyên lý cấu tạo, nguyên tắc hoạt động và cơ sở ứng dụng của các thiết bị có sử dụng các tác nhân vật lý trong y học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, trình bày/báo cáo, hướng dẫn thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm bài tự luận, bảng kiểm, thi kết thúc học phần. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

7. Giáo dục quốc phòng - An ninh

Học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh được dạy - học ở kì 2 của CTĐT. Học phần này gồm hai phần, phần I: Đường lối quân sự của Đảng đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Phần II: Công tác quốc phòng, an ninh gồm những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

8. Giáo dục thể chất 2

Học phần Giáo dục thể chất 2 thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở học kỳ 2 của chương trình đào tạo Kỹ thuật xét nghiệm y học. Học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng của môn thể thao Bóng rổ, thông qua phương pháp thuyết trình kết hợp với thị phạm động tác, phương pháp chia nhóm tập luyện, games. Các phương pháp đánh giá người học gồm quan sát kỹ thuật, đo thành tích, đếm số lượng.

9. Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh 2 thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản, được dạy - học ở học kỳ 2 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y liên quan đến thuật ngữ chuyên ngành Y liên quan đến các hệ cơ quan như hệ tạo máu và miễn dịch, hệ tim mạch, hô hấp, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, cùng với việc giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp như câu điều kiện loại 0 và 1, mệnh đề quan hệ, cấu trúc với can/could và should/must, các cụm động từ chỉ mục đích của hành động. Phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, đóng vai, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

10. Tin học

Học phần Tin học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản để sử dụng máy tính, mạng Internet và các chương trình phần mềm ứng dụng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm thực hành trên máy tính và vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO13, PLO17 mức độ trung bình và PLO3 mức độ cao của chương trình đào tạo.

11. Xác suất thống kê trong y học

Học phần Xác suất thống kê thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, hướng dẫn. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm một bài kiểm tra

thường xuyên, một bài giữa kỳ và một bài thi kết thúc học phần. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO4, PLO5 mức độ trung bình; PLO13, PLO19 mức độ cao của chương trình đào tạo.

12. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản, được giảng dạy ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu môn học như hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

13. Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản, được dạy - học ở học kỳ 3 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y liên quan đến thuật ngữ chuyên ngành Y liên quan đến các hệ cơ quan như hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ cơ xương khớp, hệ da, cùng với việc giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thì tương lai gần, câu bị động, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, động từ tình thái (should, must, have to). Phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, đóng vai, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

14. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp, trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

15. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức đại cương, kiến thức cơ bản về quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 ở mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

16. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước

và pháp luật nói chung, đặc biệt là hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cơ bản như Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Phòng chống tham nhũng và vận dụng được các kiến thức trong quá trình thực hiện pháp luật. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình và thảo luận nhóm, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học là tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

17. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân, vì nhân dân; tư tưởng HCM về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: kiểm tra tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 ở mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

18. Tiếng Anh 4

Học phần Tiếng Anh 4 thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản, được dạy - học ở học kỳ 9 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y liên quan đến các thuật ngữ chuyên ngành Y, các gốc từ, tiền tố và hậu tố liên quan đến các hệ cơ quan như hệ nội tiết, hệ sinh sản nữ, hệ sinh sản nam, và hệ thần kinh, và các cấu trúc-ngữ pháp liên quan đến thì tương lai đơn, thì tương lai gần, danh động từ, động từ nguyên mẫu có TO, thì quá khứ hoàn thành. Phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, đóng vai, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

19. Tiếng Anh 5

Học phần Tiếng Anh 5 thuộc khối kiến thức khoa học cơ bản, được dạy - học ở học kỳ 10 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Y liên quan đến các thuật ngữ chuyên ngành Y liên quan đến các tình huống khám chữa bệnh thực tiễn như Taking a History (Làm bệnh án), Examination and Investigation (Thăm khám và xét nghiệm), Diagnosis and Treatment (Chẩn đoán và điều trị), Administering medication (sử dụng thuốc), đồng thời giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp như thể bị động của thì quá khứ hoàn thành, cấu trúc câu dùng chỉ dẫn cho bệnh nhân các tư thế khám bệnh, hướng dẫn, giải thích và trấn an bệnh nhân, đưa ra chẩn đoán và điều trị, và giải thích cho bệnh nhân cách sử dụng thuốc. Phương pháp dạy học bao gồm thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, đóng vai, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận, vấn đáp. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6, PLO7 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

20. Giải phẫu

Học phần Giải phẫu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về đại cương môn học, các kiến thức cơ bản về chi tiết giải phẫu chính của các thành phần thuộc hệ thống các cơ quan trong cơ thể: cơ quan vận động (hệ xương khớp, hệ cơ, hệ thần kinh-giác quan), cơ quan dinh dưỡng (hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hoá, hệ tiết niệu), cơ quan sinh sản (hệ sinh dục nam, hệ sinh dục nữ). Kiến thức của học phần này là nền tảng để giải thích các

biến đổi giải phẫu khi có biểu hiện tổn thương, bệnh lý thành phần của các cơ quan, từ đó hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình thu nhận kiến thức. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm và hướng dẫn tự học trên các tranh, mô hình, tiêu bản và trên xác. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm test MCQ, đánh giá năng lực tự chủ và chạy trạm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

21. Giải phẫu răng

Giải phẫu răng là môn học giới thiệu về hình thái và cấu trúc của từng răng trong bộ răng, đồng thời cũng nhấn mạnh đến mối liên quan về hình thái, cấu trúc, màu sắc và chức năng của các răng trên cùng một cung hàm và giữa hai hàm. Giải phẫu răng là môn học cơ sở làm nền tảng cho các học phần lâm sàng trong nha khoa như nha khoa phục hồi, cấy ghép, nội nha... Học phần Giải phẫu răng gồm 2 phần: Phần lý thuyết cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, thuật ngữ trong giải phẫu răng, đặc điểm hình thể ngoài, hình thể trong của răng sữa và răng vĩnh viễn; những bất thường về hình thể, số lượng răng vĩnh viễn; Phần thực hành hướng dẫn thực hiện kỹ năng cần thiết trong việc vẽ và điêu khắc răng vĩnh viễn, Học phần này đáp ứng mức độ 3 chuẩn đầu ra 2 trong CTĐT

22. Sinh lý

Học phần Sinh lý thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy - học ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học về các quy luật hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng ở mức tế bào đến các cơ quan trong cơ thể, trên cơ sở đó, người học có khả năng thực hiện và giải thích được cơ sở của một số kỹ thuật xét nghiệm, chẩn đoán chức năng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, làm mẫu. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo cá nhân/nhóm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

23. Tâm lý y đức .

Học phần Tâm lý y đức gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở kỳ học 2 của CTĐT nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý của người khỏe mạnh, tâm lý của người mắc bệnh, cách giao tiếp với các đối tượng bệnh, cách phòng chống tâm chấn, liệu pháp tâm lý để phục hồi sức khỏe cho các đối tượng bệnh nhân. Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản của đạo đức và đạo đức của người cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2 và 3 - Mức độ đáp ứng trung bình và cao.

24. Hóa sinh

Học phần Hóa sinh gồm 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 3 của CTĐT. Hóa sinh là môn học mô tả cấu tạo và chuyển hóa các chất trong cơ thể, nồng độ các chất đó trong tế bào và dịch sinh vật, cơ chế tạo thành cùng các quá trình vận chuyển các chất, quá trình thoái hóa các chất, sự trao đổi năng lượng để duy trì sự sống. Vì vậy, sinh hóa rất cần thiết cho nhiều ngành: vi sinh vật, sinh vật học, siêu vi trùng học, phôi học, sinh lý học người và thực vật, y học... Chính vì vậy các sinh viên mặc dù đi vào chuyên ngành nào đều cần thiết được trang bị những kiến thức về hóa sinh.

25. Ký sinh trùng

Học phần Ký sinh trùng gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 3 của CTĐT. Phần lý thuyết gồm: Đại cương Ký sinh trùng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ký sinh trùng: Đặc điểm sinh học, chu kỳ của các loại ký sinh trùng, ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sự phát triển của ký sinh trùng, đặc điểm dịch tễ các bệnh ký sinh trùng, khả năng gây bệnh của các loại ký sinh trùng, phương pháp chẩn đoán,

nguyên tắc điều trị và các biện pháp phòng bệnh ký sinh trùng. Giun sán ký sinh, ký sinh trùng sốt rét, đơn bào ký sinh, vi nấm, tiết túc.

Phần thực hành gồm: Một số kỹ thuật xét nghiệm tìm ký sinh trùng: xét nghiệm máu tìm ký sinh trùng sốt rét, nhuộm tiêu bản máu, xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng đường ruột. Các bài nhận biết về hình thể ký sinh trùng: Hình thể giun sán trưởng thành, trứng giun sán, đơn bào, vi nấm, tiết túc, ký sinh trùng sốt rét.

26. Mô phôi răng miệng

Học phần Mô phôi răng miệng gồm 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 3 của CTĐT. Mô phôi răng miệng là học phần trang bị cho sinh viên kiến thức mô học các hệ cơ quan trong cơ thể và mô - phôi học vùng răng miệng. Là học phần mở đầu cùng với giải phẫu răng có tầm quan trọng đặc biệt. Học phần này gồm 2 phần: Phần lý thuyết gồm những kiến thức cơ bản về sự phát triển phôi thai học và cấu trúc mô học đại cương; sự hình thành, phát triển và cấu trúc, chức năng của mô răng và mô quanh răng, sự hình thành xương và mô mềm vùng hàm mặt. Phần thực hành hướng dẫn kỹ năng nhận biết về cấu trúc mô phôi đại cương, cấu trúc mô - phôi răng miệng và hàm mặt trên tiêu bản.

27. Sinh lý bệnh - Miễn dịch

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Phần lý thuyết sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thay đổi chức năng hoạt động của các tế bào, mô, cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình để tìm ra các qui luật hoạt động của bệnh nói chung và giải thích cơ chế cho các biểu hiện bất thường trên lâm sàng cũng như xét nghiệm cận lâm sàng. Bên cạnh đó, người học được tiếp cận với các kiến thức cơ bản về miễn dịch như: hệ thống đáp ứng miễn dịch, các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, cách thức cơ thể phản ứng lại các yếu tố có hại thông qua hoạt động của hệ miễn dịch và các bệnh lý miễn dịch. Đồng thời, học phần trang bị cho người học kiến thức về nguyên lý một số kỹ thuật miễn dịch, hình thành kỹ năng phân tích và lập luận kết quả xét nghiệm liên quan đến bệnh lý. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm ca lâm sàng và thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, biện luận ca lâm sàng, câu hỏi MCQ, bảng kiểm thực hành. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 (mức độ cao) và PLO13, PLO14, PLO15 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

28. Vi sinh

Học phần Vi sinh gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 3 của CTĐT. Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vi khuẩn và virus; vai trò của những vi sinh vật này trong quá trình nhiễm trùng; Các cơ chế bảo vệ và chống nhiễm trùng của cơ thể; Cơ chế tác động của kháng sinh lên vi khuẩn và hiện tượng kháng kháng sinh; Tiết trùng và khử trùng trong y học; Nguyên lý và nguyên tắc sử dụng vacxin, huyết thanh miễn dịch trong phòng và điều trị bệnh nhiễm trùng-truyền nhiễm; Giới thiệu đặc điểm sinh học và khả năng gây bệnh của một số vi khuẩn và virus thường gặp, phương pháp chẩn đoán vi sinh học, nguyên tắc dự phòng và điều trị những bệnh do các vi sinh vật này gây nên. Trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản trong xét nghiệm phát hiện một số vi khuẩn, virus gây bệnh nhiễm trùng truyền-nhiễm thường gặp.

29. Cẩn khớp học

Học phần Cẩn khớp học gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 4 của CTĐT. Cẩn khớp học là môn học tích hợp kiến thức, kỹ năng của giải phẫu học và giải phẫu chức năng vùng đầu - mặt - răng. Cẩn khớp học cũng là môn học cơ sở làm nền tảng cho các học phần lâm sàng trong nha khoa như nha khoa phục hồi, chỉnh nha, nha chu... Học phần Cẩn khớp học gồm 2 phần: Phần lý thuyết giới thiệu về giải phẫu và chức năng bộ

máy nhai, các khái niệm về căn khớp và động học căn khớp, các hoạt động chức năng và cận chức năng. Phân thực hành hướng dẫn thái độ và kỹ năng cần thiết trong việc khám khớp thái dương hàm, vận động hàm dưới, cơ hàm và các tiếp xúc căn khớp, sử dụng được cung mặt để ghi dấu hàm trên và chuyển thông tin từ cung mặt lên giá khớp.

30. Điều dưỡng cơ bản

Học phần Điều dưỡng cơ bản gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 4 của CTĐT. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử phát triển ngành điều dưỡng và các khái niệm về điều dưỡng, một số quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho người bệnh. Trang bị cho sinh viên một số kỹ năng thực hành các kỹ thuật, theo dõi, chăm sóc, sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho người bệnh.

31. Giải phẫu bệnh

Học phần Giải phẫu bệnh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học thứ 4 của chương trình đào tạo. Phần lý thuyết sẽ trang bị cho người học những biến đổi của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý, phân biệt u và viêm bằng phương pháp nghiên cứu đại thể và vi thể. Phần thực hành giúp người học thực hiện được quy trình xét nghiệm tế bào học thường quy. Qua đó người học sẽ hiểu được giá trị, ý nghĩa của xét nghiệm tế bào, mô bệnh học đối với các chuyên khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, kiến tập, thực tập. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm, chạy trạm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO11, PLO13, PLO14, PLO15, PLO16 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

32. Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe

Học phần Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 4 của CTĐT. Học phần Kỹ năng giao tiếp- giáo dục sức khỏe được học vào kỳ một của năm thứ 2. Học phần này bao gồm 2 tín chỉ : 1 lý thuyết và 1 thực hành. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học hành vi, lập kế hoạch TT-GDSK, các phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe và huy động cộng đồng; về kỹ năng sinh viên được vận dụng kiến thức đã học để lập được 01 bản kế hoạch truyền thông, thực hiện một số phương pháp truyền thông như nói chuyện sức khỏe, thảo luận nhóm, tư vấn tại hộ gia đình, tư vấn tại trạm.

33. Huấn luyện kỹ năng

Học phần Huấn luyện kỹ năng gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 4 của CTĐT

+ Kỹ năng giao tiếp cơ bản: Gồm các khái niệm cơ bản về kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi... ; Kỹ năng hỏi bệnh sử, hỏi tiền sử. Giáo dục sức khỏe cho cá nhân.

+ Kỹ năng thăm khám các cơ quan: Tuần hoàn, tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu, toàn thân và chất thải tiết, thần kinh, vận động. Khám vú.

+ Phần kỹ năng thuộc ngoại thủ thuật: Dụng cụ phẫu thuật cơ bản, kỹ thuật khâu và buộc chỉ. Xử trí vết thương phần mềm đến sớm. Mở bụng thăm dò dạ dày ruột . Kỹ thuật cố định gãy xương. Kỹ thuật chọc dò dịch màng bụng, chọc hút khí, hút dịch khoang màng phổi.

34. Sinh học miệng

Học phần Sinh học miệng gồm 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 4 của CTĐT. Học phần sinh học miệng đóng vai trò rất quan trọng trong chuyên ngành Răng Hàm Mặt. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức nền tảng để lý giải các hiện tượng sinh lý, bệnh lý răng miệng, giải thích cơ chế bệnh sinh của một số bệnh lý thường gặp trong Răng hàm mặt

Học phần này gồm 2 phần: lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết gồm những kiến thức cơ bản về: Nước bọt và tính chất sinh hoá của môi trường miệng, Cấu trúc mô học và tính chất sinh hoá của mô răng và mô quanh răng, màng sinh học miệng, sinh bệnh học bệnh sâu răng và bệnh viêm quanh răng. Phần thực hành hướng dẫn thái độ và kỹ năng cần thiết trong việc đo dòng chảy, pH và khả năng đệm của nước bọt, cách lấy mẫu và đánh giá vi khuẩn miệng.

35. Vật liệu thiết bị nha khoa

Học phần Vật liệu thiết bị nha khoa gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 4 của CTĐT. Vật liệu, dụng cụ và thiết bị nha khoa là học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về một số vật liệu, dụng cụ và thiết bị thường dùng khi thực hành nha khoa. Là môn học mở đầu cung cấp kiến thức nền tảng cùng với giải phẫu răng và mô phôi răng miệng. Học phần gồm hai phần: lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết sẽ giới thiệu về tính chất, cấu tạo, công dụng và nguyên lý hoạt động của các loại vật liệu và trang thiết bị nha khoa. Phần thực hành sẽ hướng dẫn sinh viên cách nhận biết, lựa chọn và phân nhóm các loại vật liệu, dụng cụ và thiết bị nha khoa.

36. Chẩn đoán hình ảnh nha khoa

Học phần Chẩn đoán hình ảnh nha khoa gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 5 của CTĐT. Chẩn đoán hình ảnh nha khoa là môn học cơ sở giúp hỗ trợ chẩn đoán các bệnh lý răng miệng và hàm mặt. Học phần này gồm hai phần: Phần lý thuyết giới thiệu về cấu tạo và nguyên lý hoạt động của máy chụp phim X – quang răng, máy chụp cắt lớp vi tính sọ mặt, các kỹ thuật chụp phim, cách đọc phim X – quang trong và ngoài miệng, phim cắt lớp vi tính sọ mặt. Phần thực hành hướng dẫn cách vận hành và sử dụng máy chụp phim X – quang răng, máy chụp phim cắt lớp vi tính sọ mặt, thực hiện kỹ thuật chụp và rửa phim X-quang răng, đọc và phân tích phim X – quang trong miệng, ngoài miệng và phim cắt lớp vi tính sọ mặt.

37. Dịch tễ học

Học phần Dịch tễ học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về dịch tễ học; dịch tễ học các bệnh lây, không lây; các nguyên lý và biện pháp phòng chống dịch bệnh thường gặp cũng như rèn luyện các kỹ năng dùng trong phòng chống dịch. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống... Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, viết tự luận, báo cáo chuyên đề, vấn đáp, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO16 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

38. Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm

Học phần Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 5 của CTĐT. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng cơ sở gồm có: thành phần, vai trò, nguồn gốc, nhu cầu các chất dinh dưỡng có trong thực phẩm. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phân nhóm thực phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm để có thể tổ chức bữa ăn hợp lý, đề phòng các rối loạn do dinh dưỡng và các bệnh có liên quan. Bên cạnh đó, môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng trong điều trị, giúp tư vấn chế độ ăn đúng đắn cho bệnh nhân, hỗ trợ điều trị bệnh.

39. Dược lý

Học phần Dược lý thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 5 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dược động học, dược lực học của thuốc. Từ đó có kiến thức về những tác dụng phụ của thuốc và những ảnh hưởng của thuốc đến một số chuyển hóa trong cơ thể giúp phòng

tránh các tác dụng không mong muốn của thuốc, nhằm mục tiêu sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn và hợp lý trong quá trình thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích case lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6 và PLO11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

40. Mô phỏng nha khoa

Học phần Mô phỏng nha khoa gồm 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 5 của CTĐT. Học phần Mô phỏng nha khoa là môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng ban đầu trong thực hành nha khoa, giúp người học được tiếp cận với các kỹ thuật nha khoa gần với thực tế nhất. Vì vậy, người học được rèn luyện kỹ năng trước khi học các học phần lâm sàng và tự tin hơn khi thực hiện các kỹ thuật điều trị trên bệnh nhân. Học phần Mô phỏng nha khoa hướng dẫn các kỹ năng ban đầu khi khám răng miệng, lấy dấu và đồ mẫu; thực hành một số kỹ thuật cơ bản trong chữa răng, điều trị tủy răng, nhổ răng, lấy cao răng trên mô hình.

41. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 5 của CTĐT. Học phần bao gồm 2 phần: Phần lý thuyết giới thiệu những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học trong nha khoa, Phần thực hành hướng dẫn thái độ và kỹ năng cơ bản trong thực hiện nghiên cứu khoa học trong nha khoa.

42. Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp

Học phần Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 4 của CTĐT. Học phần sức khỏe môi trường- Sức khỏe nghề nghiệp bao gồm những kiến thức cơ bản về các vấn đề sức khỏe và môi trường tự nhiên, xã hội và nghề nghiệp; cùng với các yếu tố nguy cơ trong môi trường sống, môi trường lao động và tác động của các yếu tố này đến sức khỏe của con người. Học phần này cung cấp các kỹ năng đánh giá, xác định một số chỉ số trong môi trường sống, môi trường lao động để có những biện pháp bảo vệ sức khỏe con người nói chung và sức khỏe của người lao động nói riêng. Đồng thời, học phần này giúp cho sinh viên nhận thức đầy đủ về vai trò của Y học lao động trong thực tiễn công tác chăm sóc sức khỏe người lao động.

43. Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số

Học phần Tổ chức quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 6 của CTĐT

Học phần Tổ chức - quản lý y tế và Chương trình y tế quốc gia – Dân số gồm 3 phần nội dung cơ bản: Tổ chức - quản lý y tế, Chương trình y tế quốc gia và Dân số:

Phần Tổ chức và quản lý y tế mô tả về tổ chức, nhiệm vụ của hệ thống y tế Việt Nam và chu trình quản lý y tế cơ bản.

Phần Chương trình y tế quốc gia cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình y tế quốc gia tại các tuyến y tế đặc biệt là ở tuyến y tế cơ sở.

Phần Dân số – Sức khỏe sinh sản đề cập đến những vấn đề cơ bản nhất về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản, chiến lược Dân số của quốc gia.

44. Gây mê hồi sức

Học phần Gây mê hồi sức là học phần tự chọn gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 6 của CTĐT. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về GMHS làm cơ sở để sinh viên hiểu và thực hành trên lâm sàng bao gồm : các kỹ thuật cơ bản về gây mê gây tê, kỹ thuật thăm khám, chuẩn bị bệnh nhân trước mổ, các quy trình khi thực hiện phẫu thuật, thủ thuật. Giúp cho sinh viên biết cách theo dõi và chăm sóc bệnh nhân sau mổ nói

chung, các phương pháp giảm đau sau mổ nói riêng ; nắm được một số nhiễm khuẩn thường gặp tại bệnh viện và sau khi ra trường áp dụng các kiến thức đã học được vào thực hành lâm sàng tại các cơ sở y tế.

45. Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện

Học phần Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy/học ở học kỳ 6 của chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhiễm khuẩn bệnh viện, hệ thống tổ chức và điều kiện thực hiện kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, nguyên tắc và biện pháp giám sát, kiểm soát và phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện. Trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản trong lấy mẫu, thực hiện quy trình kiểm tra vi sinh vật môi trường bệnh viện (không khí, nước, dụng cụ vô trùng, vệ sinh tay), quản lý và xử lý chất thải y tế. Các phương pháp dạy/học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bảng kiểm, bài tập tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, tự luận, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO4, PLO6 (mức độ cao); PLO13, PLO14, PLO15, PLO16 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

46. Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế

Học phần Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế là học phần tự chọn gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ học kỳ 6 của CTĐT.

Phần kinh tế y tế giới thiệu các khái niệm cơ bản của kinh tế học và mối quan hệ giữa kinh tế học và kinh tế y tế, nguồn kinh phí trong y tế, cách tính toán và ý nghĩa của các loại chi phí trong y tế. Ngoài ra, nội dung về bảo hiểm y tế cũng được giới thiệu trong chương trình này.

47. Một sức khỏe

Học phần một sức khỏe thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cách tiếp cận và các năng lực cốt lõi về Một sức khỏe. Ngoài học lý thuyết ra, sinh viên còn được thực hành các kỹ năng trong việc giải quyết bệnh truyền lây theo nguyên lý một sức khỏe. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nêu vấn đề, phân tích tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, chấm điểm các bài thực hành. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1 mức độ trung bình; chuẩn đầu ra PLO8, PLO12, PLO17 mức độ cao của chương trình đào tạo.

48. Nhân học y học

Học phần Nhân học Y học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức về khái niệm, cách tiếp cận nhân học y học, một số vấn đề sức khỏe và yếu tố văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số ở một số khu vực Việt Nam và các thách thức trong chăm sóc sức khỏe người dân tộc thiểu số. Học phần cũng cung cấp một số kỹ năng giao tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số, kỹ năng giải quyết tình huống khi làm việc với người dân tộc thiểu số. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, vấn đáp, bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1, PLO8, PLO19 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

49. Ngoại cơ sở

Học phần Ngoại cơ sở lý thuyết gồm 2 tín chỉ (2/0), được dạy và học học kỳ 6 của CTĐT.. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về cách thăm khám ngoại khoa các hệ cơ quan, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các hội chứng ngoại khoa thường gặp.

Sinh viên tham gia học phần được lượng giá bằng 1 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài thi giữa học phần và 1 bài thi kết thúc học phần.

Học phần Ngoại cơ sở lý thuyết diễn ra đồng thời cùng với học phần Ngoại cơ sở thực hành. Kỳ vọng sau khi kết thúc học phần, sinh viên có được kiến thức về cách thăm khám ngoại khoa các hệ cơ quan, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các hội chứng ngoại khoa thường gặp, giúp thực hành đúng khi đi lâm sàng tại bệnh viện.

Học phần Ngoại cơ sở thực hành gồm 2 tín chỉ (0/2), được dạy và học ở học kỳ 2 năm học thứ ba. Học phần bao gồm các bài giảng thực hành về những kỹ năng phát hiện các điểm đau ngoại khoa, các dấu hiệu bụng ngoại khoa; Kỹ năng khám ngoại khoa các cơ quan; Cách tiếp cận bệnh nhân ngoại khoa, cách thăm khám để phát hiện các triệu chứng lâm sàng các bệnh ngoại khoa thường gặp; Học phần cũng trang bị cho sinh viên những rối loạn cơ năng thường gặp sau phẫu thuật, cách theo dõi bệnh nhân sau phẫu thuật, sau điều trị bằng một số thủ thuật ngoại khoa.

Kỳ vọng trong quá trình thực tế, sinh viên thu được nhiều kiến thức về lâm sàng phát hiện các triệu chứng ngoại khoa, biết cách theo dõi chăm sóc bệnh nhân sau mổ.

50. Nội cơ sở

Học phần Nội cơ sở lý thuyết gồm 2 tín chỉ (2/0), được dạy và học ở học kỳ 6 của CTĐT. Học phần cung cấp lý thuyết về triệu chứng học nội khoa một số bệnh lý thường gặp được quy định trong chương trình khung.

Học phần Nội cơ sở thực hành gồm 2 tín chỉ (0/2), được dạy và học ở học kỳ 2 năm học thứ ba

Thực hành, hướng dẫn khám trên người bình thường và dạy cách khám bệnh, phát hiện triệu chứng trên bệnh nhân.

51. Da liễu

Học phần Da liễu gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 7 của CTĐT. Trong học phần này sinh viên sẽ được học lý thuyết và một số buổi tự học và thảo luận có sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn về một số chủ đề chính như: Bệnh da có mụn nước, bóng nước: zona, thủy đậu, herpes, các bệnh lý tổn thương vùng miệng như: ung thư, lichen, dị ứng thuốc, giang mai, nấm candida, aphtose... Sau đó SV sẽ đi thực hành tại Bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên. Hình thức thực hành: sinh viên sẽ được tham dự các buổi đi buồng, bình bệnh án, thăm khám bệnh nhân hàng ngày và thực hành các kỹ năng lâm sàng trên người bệnh ở các phòng điều trị khoa Da liễu và phòng khám Da liễu. Trong thời gian học học phần này sinh viên sẽ có 1 bài kiểm tra lý thuyết giữa học phần (lấy điểm hệ số 1) và 1 bài kiểm tra các kỹ năng thực hành (lấy điểm hệ số 2). Bài thi kết thúc học phần vào cuối tuần thứ 2, hình thức thi viết.

Kỳ vọng sau khi kết thúc học phần sinh viên sẽ có khả năng vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học để chẩn đoán và điều trị và quản lý cũng như có thể tư vấn giáo dục sức khỏe phòng chống một số bệnh da- niêm mạc thường gặp trong Răng- Hàm - Mặt.

52. Ngoại bệnh lý

Học phần Ngoại bệnh lý lý thuyết gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 7 của CTĐT. Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về dịch tễ học lâm sàng, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý Ngoại khoa. Học phần bao gồm: Bệnh học Ngoại tiết niệu như sỏi niệu, u phì đại tuyến tiền liệt, dị tật bẹn bìu, chấn thương tiết niệu. Bệnh học cấp cứu bụng: Thủng dạ dày, hẹp môn vị, chảy máu tiêu hóa trên, viêm tụy cấp, tắc mật, tắc ruột. Bệnh học ngoại tổng hợp như: thoát vị bẹn đùi. Bệnh học chấn thương: chấn thương sọ não, gãy xương chi trên, gãy xương chi dưới, trật khớp, vết thương phần mềm, vết thương bàn tay, gãy xương hở.

Kì vọng học sinh trong quá trình học thu được nhiều kiến thức cơ bản về chẩn đoán và điều trị những bệnh lý ngoại khoa thường gặp và vận dụng những kiến thức đó trong thực hành nghề nghiệp

Học phần Ngoại bệnh lý thực hành gồm 2 tín chỉ (0/2), được dạy và học ở học kỳ 7 của CTĐT. Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lâm sàng, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý ngoại khoa. Với những ca bệnh thường gặp như chấn thương sọ não, đau bụng cấp tính ngoại khoa, vết thương bàn tay, gãy xương hở, chấn thương lồng ngực, sỏi tiết niệu Giúp sinh viên đưa ra những chẩn đoán phù hợp và đề xuất phương pháp cận lâm sàng phù hợp nhất theo các tuyến điều trị. Bệnh án ngoại khoa đa dạng về mặt bệnh tiền phẫu và hậu phẫu giúp sinh viên có những kỹ năng làm bệnh án, chẩn đoán và điều trị phù hợp.

Kì vọng sinh viên trong quá trình học lâm sàng thu được nhiều kinh nghiệm lâm sàng và khi ra trường có khả năng chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý ngoại khoa thường gặp tại cộng đồng. Vận dụng tốt những kiến thức thu được trong thực hành nghề nghiệp sau này.

53. Nha khoa công cộng

Học phần Nha khoa cộng đồng gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 7 của CTĐT. Học phần nhằm giới thiệu dịch tễ học các bệnh răng miệng; các cơ sở lý luận và các biện pháp dự phòng bệnh răng miệng thường gặp; các biện pháp quản lý và nâng cao sức khỏe răng miệng cho cộng đồng.

54. Nhi khoa

Học phần Nhi khoa gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 7 của CTĐT. Sinh viên sẽ được học các đặc điểm phát triển thể chất, tinh thần vận động và đặc điểm phát triển các cơ quan của trẻ em. Sinh viên sẽ được học những kiến thức cơ bản về chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em. Học phần này sinh viên cũng được học cách hỏi bệnh thăm khám phát hiện triệu chứng lâm sàng các bệnh thường gặp. Sinh viên được làm một số thủ thuật đơn giản trong nhi khoa

Sinh viên phải tự đọc các bài giảng thực hành và thảo luận trên lớp. Mỗi tuần sẽ phải nộp 1 bệnh án nhi (trừ tuần thứ nhất). Trong thời gian học lâm sàng sinh viên phải hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng. Cuối học phần, sinh viên phải thi thực hành để đánh giá các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thực hành.

Sinh viên chủ động tham khảo tài liệu trên thư viện, Internet và các tài liệu do bộ môn cung cấp trước khi lên lớp, học tập đầy đủ và tham gia thảo luận tích cực.

55. Nội bệnh lý

Học phần Nội bệnh lý lý thuyết gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 7 của CTĐT. Giảng lý thuyết trên giảng đường về bệnh học nội khoa một số bài đã quy định trong chương trình khung của nội bệnh lý 1+2. Học phần Nội bệnh lý thực hành gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 7 của CTĐT. Giảng thực hành, hướng dẫn chẩn đoán bệnh sau khi khám và xét nghiệm bệnh nhân.

56. Sản phụ khoa

Học phần Sản phụ khoa gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 7 của CTĐT. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chu kỳ hoạt động sinh dục của buồng trứng và các hormon sinh dục, sự thụ tinh làm tổ và phát triển của trứng, sự phát triển của thai và phần phụ của thai nhi trong buồng tử cung, sinh lý chuyển dạ, sản thường và các chăm sóc trước trong và sau sinh. Cung cấp các kiến thức cơ bản về các bệnh lý phụ khoa thông thường.

57. Bệnh học miệng và hàm mặt 1

Học phần Bệnh học miệng và hàm mặt 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy – học ở kỳ học VIII của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về: các khối u lành tính và nang vùng hàm mặt, bệnh lý của khớp thái dương hàm; hướng dẫn kỹ năng cần thiết trong việc khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý thường gặp của bệnh lý khớp thái dương hàm, các khối u lành tính và nang vùng hàm mặt. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giảng lâm sàng, giảng bên giường bệnh, tình huống lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học gồm: tự luận, kiểm tra thực hành trên người bệnh, chấm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 6, 7, 11, 12, 14, 15, 16 (mức độ 3) và 17, 18 (mức độ 2) của chương trình đào tạo.

58. Chữa răng - Nội nha 1

Học phần Chữa răng - Nội nha 1 gồm 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 8 của CTĐT. Học phần được học sau học phần mô phỏng nha khoa và chẩn đoán hình ảnh nha khoa để sinh viên có kiến thức và thực hành tiền lâm sàng trước. Học phần này gồm 2 phần: lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết gồm những kiến thức cơ bản về: Bệnh sâu răng, tổn thương mô cứng không do sâu răng, bệnh lý tủy răng, bệnh lý cuống răng và tẩy trắng răng. Phần thực hành hướng dẫn kỹ năng cần thiết trong việc khám, chẩn đoán và điều trị bệnh sâu răng, tổn thương mô cứng không do sâu răng. Khám phát hiện các triệu chứng và chỉ định điều trị các bệnh lý tủy răng, bệnh lý cuống răng.

59. Mắt

Học phần Mắt gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 8 của CTĐT. Học phần bao gồm các bài giảng về một số bệnh thường gặp trong nhãn khoa cộng đồng. Các vấn đề quan trọng được giảng dạy bao gồm giải phẫu và sinh lý mắt, cách chẩn đoán, điều trị các bệnh mắt thường gặp, mối liên quan giữa các bệnh mắt và các bệnh toàn thân, các chấn thương mắt thường gặp. Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa mắt. Bao gồm cách khám mắt thông thường, đo thị lực, thử kính, đo nhãn áp, đo thị trường ước lượng, cách điều trị, xử trí cấp cứu, cách chăm sóc mắt và cách tuyên truyền tư vấn trong cộng đồng phòng ngừa các bệnh mắt thường gặp.

60. Nha chu 1

Học phần Nha chu 1 gồm có 4 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 8 của CTĐT. bao gồm 2 phần. Phần lý thuyết cung cấp những kiến thức cơ bản về: Giải phẫu, sinh lý; bệnh căn, bệnh sinh; phân loại, triệu chứng, chẩn đoán các thể bệnh vùng quanh răng. Phần thực hành hướng dẫn thái độ, kỹ năng phát hiện tình trạng và chẩn đoán bệnh lý vùng quanh răng. Học phần đáp ứng các tiêu chuẩn 2, 6, 7, 9, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19 của chuẩn đầu ra của ngành răng hàm mặt trình độ đào tạo bác sĩ. Học phần Nha chu 1 có học phần tiên quyết là học phần Sinh học miệng, Cắn khớp, Chẩn đoán hình ảnh nha khoa và mối liên hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo răng hàm mặt.

61. Phẫu thuật miệng 1

Học phần Phẫu thuật miệng 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy – học ở kỳ học VIII của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về: các phương pháp gây tê trong thực hành nha khoa; chỉ định, chống chỉ định, các kỹ thuật của nhổ răng thông thường và nhổ răng bằng phẫu thuật; tai biến và cách xử trí tai biến do gây tê, do nhổ răng và phẫu thuật miệng; một số đường rạch phổ biến trong phẫu thuật miệng - hàm mặt; hướng dẫn cách khám và làm bệnh án phẫu thuật miệng, kỹ năng cần thiết trong việc ra chỉ định và lựa chọn phương pháp vô cảm, thực hành được một số ca nhổ răng đơn giản. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giảng lâm sàng, giảng bên giường bệnh, tình huống lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người

học gồm: tự luận, kiểm tra thực hành trên người bệnh, chấm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 6, 7, 11, 12, 14, 15, 16 (mức độ 3) và 17, 18 (mức độ 2) của chương trình đào tạo.

62. Tai mũi họng

Học phần Tai mũi họng gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 8 của CTĐT nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về: Những bệnh lý thường gặp trong chuyên khoa tai mũi họng; những tai nạn trong sinh hoạt và những chấn thương thường gặp trong chuyên khoa tai mũi họng; một số bệnh ung thư thường gặp trong chuyên khoa tai mũi họng.

63. Chữa răng - Nội nha 2

Học phần Chữa răng - Nội nha 2 gồm 4 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 9 của CTĐT. Học phần này gồm 2 phần: Phần lý thuyết gồm những kiến thức về: Các phương pháp điều trị tủy, các phương pháp trám bít ống tủy, liên hệ giữa nội nha và nha chu, những thất bại trong điều trị nội nha và cách xử trí, phương pháp phục hồi thân – chân răng sau điều trị tủy và cách xử trí cấp cứu các trường hợp chấn thương răng. Phần thực hành hướng dẫn kỹ thuật điều trị tủy, kỹ năng phục hồi thân – chân răng sau điều trị tủy, kỹ năng điều trị tủy lại và xử trí cấp cứu chấn thương răng.

64. Nha chu 2

Học phần Nha chu 2 gồm có 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ thứ 9 của CTĐT, bao gồm 2 phần. Phần lý thuyết cung cấp những kiến thức cơ bản về điều trị bệnh quanh răng. Phần thực hành hướng dẫn thái độ, kỹ năng lập kế hoạch và điều trị bệnh quanh răng. Học phần đáp ứng các tiêu chuẩn 2, 3, 6, 7, 9, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19 của chuẩn đầu ra của ngành răng hàm mặt trình độ đào tạo bác sĩ. Học phần Nha chu 2 có học phần tiên quyết là học phần Nha chu 1, Chữa răng nội nha 2 và mối liên hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo răng hàm mặt.

65. Phẫu thuật hàm mặt 1

Học phần Phẫu thuật hàm mặt 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy – học ở kỳ học X của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về: triệu chứng, chẩn đoán chấn thương hàm mặt và điều trị của một số bệnh lý hàm mặt; hướng dẫn cách khám và chẩn đoán một số bệnh chấn thương và bệnh lý hàm mặt. Xử trí các cấp cứu vùng hàm mặt. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giảng lâm sàng, giảng bên giường bệnh, tình huống lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học gồm: tự luận, kiểm tra thực hành trên người bệnh, chấm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 6, 7, 11, 12, 14, 15, 16 (mức độ 3) và 17, 18 (mức độ 2) của chương trình đào tạo.

66. Phục hình tháo lắp 1

Học phần Phục hình tháo lắp 1 gồm 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 9 của CTĐT. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Đại cương về phục hình tháo lắp bán phần, các thành phần cấu tạo của một hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa và hàm giả tháo lắp bán phần khung bộ. Sinh viên hiểu được các đặc điểm sinh cơ học của phục hình tháo lắp bán phần, phục hình khung bộ, tương quan khớp cắn trong phục hình tháo lắp bán phần; Phần thực hành hướng dẫn sinh viên những kỹ năng căn bản về lâm sàng và kỹ thuật labo để làm phục hình tháo lắp bán phần nền nhựa trên bệnh nhân. Kỹ thuật lâm sàng gồm: Khám, đưa ra kế hoạch điều trị tiền phục hình và phục hình, biết cách thiết kế hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa, biết sửa chữa hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa. Phần labo, giáo viên sẽ hướng dẫn kỹ thuật: Làm sáp, lên răng, vào múp, ép nhựa và đánh bóng hoàn thiện hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa.

67. Thực tập cộng đồng

Học phần Thực tập cộng đồng gồm có 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 9 của CTĐT. bao gồm thực hành các kỹ năng khám, đánh giá tình trạng răng miệng cộng đồng theo WHO, chăm sóc răng miệng ban đầu cho cộng đồng, thực hành các hoạt động trong công tác nha học đường. Học phần đáp ứng các tiêu chuẩn 2, 6, 7, 9, 12, 15, 16, 17, 18, 19 của chuẩn đầu ra của ngành răng hàm mặt trình độ đào tạo bác sĩ. Học phần Thực tập cộng đồng 1 có học phần tiên quyết là Nha khoa công cộng, có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo răng hàm mặt.

68. Bệnh học miệng và hàm mặt 2

Học phần Bệnh học miệng và hàm mặt 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy – học ở kỳ học X của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về: triệu chứng lâm sàng, phương pháp chẩn đoán và cách xử trí bệnh lý tuyến nước bọt, bệnh hạch cổ mặt, các thể đau vùng hàm mặt và khối u ác tính vùng hàm mặt, hướng dẫn kỹ năng cần thiết trong việc khám, chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý tuyến nước bọt, bệnh hạch cổ mặt và u ác tính vùng hàm mặt, đồng thời cung cấp kỹ năng tư vấn cách phòng ngừa các bệnh ung thư vùng hàm mặt, bệnh lý khớp thái dương hàm và bệnh hạch cổ mặt cho cộng đồng. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giảng lâm sàng, giảng bên giường bệnh, tình huống lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học gồm: tự luận, kiểm tra thực hành trên người bệnh, chấm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 6, 7, 11, 12, 14, 15, 16 (mức độ 3) và 17, 18 (mức độ 2) của chương trình đào tạo.

69. Chỉnh hình răng mặt 1

Học phần Chỉnh hình răng mặt 1 gồm có 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ thứ 10 bao gồm 2 phần. Phần lý thuyết cung cấp những kiến thức cơ bản về sự phát triển của hệ thống sọ mặt, phân loại sai khớp cắn. Phần thực hành hướng dẫn thái độ và kỹ năng trong khám lâm sàng; vẽ, đo, phân tích phim Cephalometric, mẫu hàm để chẩn đoán sai khớp cắn. Học phần đáp ứng các tiêu chuẩn 1, 2, 5, 6, 7, 10, 12, 15, 16, 17, 18, 19 của chuẩn đầu ra của ngành răng hàm mặt trình độ đào tạo bác sĩ. Học phần Chỉnh hình răng mặt 1 có học phần tiên quyết là Cắn khớp và Răng trẻ em 1, có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo răng hàm mặt.

70. Phẫu thuật hàm mặt 2

Học phần Phẫu thuật hàm mặt 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy – học ở kỳ học X của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về: các dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt; các phương pháp điều trị gãy xương vùng hàm mặt; các yêu cầu trong phẫu thuật hàm mặt và các bước tạo hình hàm mặt; hướng dẫn các kỹ năng lập kế hoạch điều trị, tạo hình và cố định hai hàm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giảng lâm sàng, giảng bên giường bệnh, tình huống lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học gồm: tự luận, kiểm tra thực hành trên người bệnh, chấm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 6, 7, 11, 12, 14, 15, 16 (mức độ 3) và 17, 18 (mức độ 2) của chương trình đào tạo.

71. Phục hình cố định 1

Học phần Phục hình cố định 1 gồm 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 10 của CTĐT. Học phần này gồm 2 phần: lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết gồm những kiến thức cơ bản về: đại cương phục hình cố định, inlay, onlay, chụp răng, các bước tái tạo cùi răng, răng chót và cách bảo tồn sự sống cho răng mài chụp. Phần thực hành hướng dẫn kỹ thuật mài cùi trên răng khô, kỹ thuật làm chụp răng nhựa trong labo và làm chụp răng trên bệnh nhân.

72. Răng trẻ em 1

Học phần Răng trẻ em 1 gồm có 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ thứ 10 bao gồm 2 phần. Phần lý thuyết cung cấp những kiến thức về sự hình thành và phát triển cung răng ở trẻ, tâm lý và hành vi của trẻ trong thực hành nha khoa, bệnh lý răng miệng thường gặp ở trẻ (bệnh sâu răng và bệnh vùng quanh răng); phần thực hành hướng dẫn kỹ năng giao tiếp, cách khám, phát hiện, chẩn đoán và điều trị các bệnh lý răng miệng đơn giản thường gặp ở trẻ. Học phần đáp ứng các tiêu chuẩn 1, 2, 5, 6, 7, 10, 12, 15, 16, 17, 18, 19 của chuẩn đầu ra của ngành răng hàm mặt trình độ đào tạo bác sĩ. Học phần Răng trẻ em 1 có học phần tiên quyết là Chữa răng – Nội nha 2 và Nha chu 2, có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo răng hàm mặt.

73. Chỉnh hình răng mặt 2

Học phần Chỉnh hình răng mặt 2 gồm có 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ thứ 11 của CTĐT. bao gồm 2 phần. Phần lý thuyết cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sinh học trong chỉnh hình răng mặt, kiểm soát thói quen răng miệng xấu và giới thiệu về lập kế hoạch điều trị trong chỉnh hình răng mặt. Phần thực hành hướng dẫn làm, điều chỉnh hàm Hawley, máng trượt và kỹ năng ra quyết định trong điều trị chỉnh hình răng mặt dự phòng. Học phần đáp ứng các tiêu chuẩn 1, 2, 5, 6, 7, 10, 12, 15, 16, 17, 18, 19 của chuẩn đầu ra của ngành răng hàm mặt trình độ đào tạo bác sĩ. Học phần Chỉnh hình răng mặt 2 có học phần tiên quyết là Chỉnh hình răng mặt 1, có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo răng hàm mặt.

74. Phẫu thuật miệng 2

Học phần Phẫu thuật miệng 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy – học ở kỳ học XI của CTĐT. Học phần này sẽ hướng dẫn các kỹ thuật phẫu thuật nhỏ răng cho bệnh nhân đặc biệt, phẫu thuật nhổ răng khôn, phẫu thuật nhổ những chân răng khó và răng ngầm, phẫu thuật bảo tồn răng, hướng dẫn những kỹ năng cơ bản về phẫu thuật tiên phục hình. Các phương pháp dạy học chủ yếu là giảng lâm sàng, giảng bên giường bệnh, tình huống lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học gồm: kiểm tra thực hành trên người bệnh, chăm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 6, 7, 11, 12, 14, 15, 16 (mức độ 3) và 17, 18 (mức độ 2) của chương trình đào tạo.

75. Răng trẻ em 2

Học phần Răng trẻ em 2 gồm có 3 tín chỉ được dạy và học ở học kỳ thứ 11 bao gồm 2 phần. Phần lý thuyết cung cấp các phương pháp điều trị bệnh lý tủy răng, nhổ răng sữa, các chấn thương răng ở trẻ em và dự phòng kiểm soát khoảng khi mất răng sữa sớm; phần thực hành hướng dẫn kỹ năng ra quyết định và các kỹ thuật điều trị tủy, nhổ răng, xử trí chấn thương răng cho trẻ em. Học phần đáp ứng các tiêu chuẩn 1, 2, 5, 6, 7, 10, 12, 15, 16, 17, 18, 19 của chuẩn đầu ra của ngành răng hàm mặt trình độ đào tạo bác sĩ. Học phần Răng trẻ em 2 có học phần tiên quyết là Răng trẻ em 1 và có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo răng hàm mặt.

76. Phục hình cố định 2

Học phần Phục hình cố định 2 gồm 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 12 của CTĐT. Học phần này gồm 2 phần: lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết gồm những kiến thức cơ bản về: Cầu răng, nhíp cầu, phản ứng điện hóa trong môi trường miệng và những thất bại trong phục hình cố định và cách sửa chữa. Phần thực hành hướng dẫn kỹ thuật sửa soạn răng trụ, thiết kế làm được cầu răng hoàn chỉnh trên răng khô, trên miệng bệnh nhân. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể phục hồi lại những răng mất bằng phương pháp làm cầu răng.

77. Phục hình tháo lắp 2

Học phần Di truyền y học gồm 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 12 của CTĐT. Học phần này gồm 2 phần: lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết gồm những kiến thức về: Thành phần của hàm giả tháo lắp toàn bộ, các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện hàm giả tháo lắp toàn bộ, cơ chế bám dính của hàm giả tháo lắp toàn bộ. Các phương pháp điều trị tiên phục hình của trong phục hình tháo lắp toàn bộ. Cách lấy dấu sơ khởi làm thìa cá nhân, lấy dấu lần hai, cách thử gó sấp, thử hàm giả trên miệng. Phần thực hành hướng dẫn kỹ thuật làm hàm giả tháo lắp toàn bộ cho bệnh nhân trên lâm sàng và trong labo. Thực hành các bước làm phục hình tháo lắp toàn bộ trên lâm sàng: Lấy dấu sơ khởi, điều trị tiên phục hình, thử thìa cá nhân, lấy dấu lần hai, điều chỉnh nền tạm, gó sấp, thử hàm răng. Thực hành các bước làm hàm giả tháo lắp toàn bộ trên labo.

78. Nha khoa hiện đại

Học phần Nha khoa hiện đại thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy – học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về: Các tiến bộ nha khoa ngày nay, Cách mạng về kỹ thuật trong nha khoa, Nha khoa phục hồi hiện đại, Cập nhật về cấy ghép nha khoa, Các xu hướng hiện nay để xử trí bệnh nha chu, Nội nha kỹ thuật cao, Phương pháp phẫu thuật tạo hình mới, Phục hình và chỉnh nha hiện đại. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giảng lâm sàng, giảng bên giường bệnh, tình huống lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học gồm: tự luận, kiểm tra thực hành trên người bệnh, chấm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 6, 7, 11, 12, 14, 15, 16 (mức độ 3) và 17, 18 (mức độ 2) của chương trình đào tạo.

79. Y học cổ truyền

Học phần Y học cổ truyền là học phần tự chọn gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 11 của CTĐT. Học phần gồm có 4 nội dung chính

+ Châm cứu: Kỹ thuật châm cứu, 70 huyệt thường dùng điều trị một số chứng bệnh thường gặp tại cộng đồng

+ Xoa bóp bấm huyệt: Kỹ thuật xoa bóp bấm huyệt, xoa bóp bấm huyệt điều trị một số chứng bệnh thường gặp tại cộng đồng

+ Thuốc đông y chữa một số chứng bệnh thường gặp tại cộng đồng.

+ Bệnh học : 8 bệnh chứng thường gặp tại cộng đồng.

80. Thực tế tốt nghiệp

Học phần Thực tế tốt nghiệp gồm có 4 tín chỉ, được thực hiện học kỳ thứ 12. Sinh viên đi thực tế tại khoa răng hàm mặt của các bệnh viện tuyến tỉnh. Học phần đáp ứng các tiêu chuẩn 1, 2, 5, 6, 7, 10, 12, 15, 16, 17, 18, 19 của chuẩn đầu ra của ngành răng hàm mặt trình độ đào tạo bác sĩ. Học phần Thực tế tốt nghiệp có học phần tiên quyết là tất cả các học phần trong chương trình đào tạo bác sĩ răng hàm mặt, có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo răng hàm mặt.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Khoa Răng hàm mặt – Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên có 23 giảng viên cơ hữu, trong đó có 1 phó giáo sư – Tiến sĩ, 1 tiến sĩ, 2 bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Răng Hàm Mặt, 18 thạc sĩ được đào tạo trong và ngoài nước;

Khoa RHM được bố trí tại khuôn viên của Trường với diện tích sử dụng khoảng 300 m² sàn, trong đó có 02 labo thực hành huấn luyện kỹ năng và phục hình răng giả (skill-lab); 02 phòng điều trị tiên lâm sàng và điều trị lâm sàng (khu khám chữa bệnh RHM); hai tiểu giảng đường dành riêng cho Khoa RHM và một Văn phòng Khoa. Khoa

được trang bị các thiết bị máy móc chuyên dụng RHM để phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và khám chữa bệnh (KCB) RHM.

Cơ sở thực hành của chuyên ngành Răng Hàm Mặt gồm có: các khoa Răng Hàm Mặt của Bệnh viện trường ĐHY - Dược, Đại học Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên với trang thiết bị được đầu tư hiện đại. Lượng người bệnh đến khám ngoại trú và điều trị nội trú đông, nhiều mặt bệnh.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu: 2019

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Cập nhật chuẩn đầu ra Bổ sung và điều chỉnh thêm 1 số học phần và số tín chỉ của chương trình đào tạo theo hướng tăng thời lượng thực hành Bổ sung các học phần tự chọn Bổ sung phân khoá luận tốt nghiệp Chỉnh sửa mã học phần	12/2022		